TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 8 - 2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hảo và ông Trịnh Xuân Tháp.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quyết Tâm- Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số 109/N7 xóm 4, khu 3, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 08/4/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do khi về sống chung thì phát sinh quá nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh T thường đánh đập chị.

Chị đã tha thứ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Trầm trọng nhất vào tháng 02/2019 anh T đã đánh đập chị, chị được người nhà đưa đi viện cấp cứu, sau đó chị về nhà mẹ ruột ở xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Từ tháng 02/2019 đến nay chị và anh T đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm của chị dành cho anh T không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 15/12/2016. Do hiện nay cháu A đang sống chung với chị và do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), đến khi cháu A trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn anh Nguyễn Ngọc T có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử anh Nguyễn Ngọc T trình bày ý kiến:*** Anh và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 08/4/2016. Anh T thừa nhận vợ chồng anh có xích mích nhưng không thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã như chị N trình bày. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng chưa căng thẳng đến mức ly hôn. Tuy nhiên, anh T theo đạo Công giáo nên không thể đồng ý thuận tình ly hôn. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 15/12/2016, hiện đang sống cùng chị N. Anh T đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu An mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 15/12/2016 và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Nguyễn Ngọc T, anh T có nơi cư trú: tổ 1, ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và chị N yêu cầu giải quyết được nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Anh Nguyễn Ngọc T xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Ngọc T là hợp pháp vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần mục đích để chị N và anh T trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng chị N vẫn kiên quyết ly hôn, vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm của chị dành cho anh T không còn nên chị xin được ly hôn với anh T. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ tháng từ tháng 02/2019 đến nay nhưng anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh T, chị N tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai và UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì địa phương không nắm rõ, địa phương chỉ biết anh, chị không sống chung với nhau từ tháng 02/2019 đến nay. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và sự tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của anh T, chị N không còn hạnh phúc, chị N cương quyết ly hôn vì

tình cảm với anh T không còn, hiện vợ chồng cũng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N được chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 15/12/2016, hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N xin tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A. Xét thấy yêu cầu này của chị N là phù hợp với ý kiến của anh T, phù hợp với nơi ở thực tế hiện nay của cháu A và phù hợp với quy định của pháp luật là cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên yêu cầu nuôi con của chị N được chấp nhận. Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), từ khi ly hôn đến khi cháu A trưởng thành và có khả năng lao động. Anh T đồng ý nên Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận ý kiến của chị N, anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N. Cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. ***Về con chung:***

- Giao cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 15/12/2016.

- Anh Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), kể từ tháng 09/2019 đến khi cháu A đủ 18

tuổi và có khả năng lao động.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. ***Về tài sản chung và nợ chung***: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

- Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0001912 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. ***Về quyền kháng cáo***: Báo cho chị Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Trung Chiến